

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10
Trường THPT Đắk Song năm học 2026 - 2027

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú, tuyển sinh vào lớp 10 các trường trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-SGDĐT ngày 10/6/2026 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng về việc thành lập các Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026 - 2027;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh Trường THPT Đắk Song tại Tờ trình số 27/TTr-THPTĐS ngày 01/8/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý chất lượng, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Đắk Song năm học 2026 - 2027 gồm 450 học sinh (có danh sách đính kèm).

Điều 2. Giao Hiệu trưởng Trường THPT Đắk Song thông báo danh sách trúng tuyển, tiếp nhận học sinh trúng tuyển vào nhập học theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các đơn vị, Hiệu trưởng Trường THPT Đắc Song và những học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đức Lợi

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Đắk Song năm học 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Sở GDĐT)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	Lớp 9		Tuyển thẳng	Ghi chú
											ĐTB	Toán, Văn		
1	NGUYỄN VŨ HOÀNG	NAM	07/06/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	6.8	13.2	Khuyết tật	TT
2	Y	BẢO	04/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Mnông	1.0	0	30.0	31.0	6.8	13.5	TN THCS trường PT DTNT	TT
3	ĐỖ VŨ QUANG	NINH	23/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.6	13.8	Khuyết tật	TT
4	HÀ NHÂN	KIỆT	17/04/2011	Thanh Hóa	Nam	Thái	1.0	0	28.0	29.0	6.6	11.9	TN THCS trường PT DTNT	TT
5	VI THỊ	NGUYỆT	13/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	1.0	0	28.0	29.0	6.5	12.7	TN THCS trường PT DTNT	TT
6	Y -	KHOA	01/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.1	11.9	TN THCS trường PT DTNT	TT
7	ĐÀO HUY	HOÀNG	22/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	5.2	10.4	Khuyết tật	TT
8	NGUYỄN CÔNG	TRỌNG	15/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	27.0	27.0	5.5	10.4	Khuyết tật	TT
9	Y - ĐÀO THIÊN	AN	05/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	1.0	0	25.0	26.0	5.0	9.4	TN THCS trường PT DTNT	TT
10	VŨ QUANG UYÊN	PHƯƠNG	27/06/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	1.0	0	40.0	41.0	9.3	18.7		NV1
11	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	05/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	40.0	41.0	8.7	15.7		NV1
12	HOÀNG NGỌC	PHƯƠNG	06/12/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.5	18.8		NV1
13	LÊ THỊ MINH	PHƯƠNG	12/04/2011	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.3	18.8		NV1
14	BÙI THỊ BÍCH	LIÊN	18/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.3	18.8		NV1
15	NGUYỄN THỊ	NHUNG	18/02/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.3	18.5		NV1
16	LƯƠNG HOÀNG UYÊN	NHI	25/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.3	18.4		NV1

17	VÕ LÊ TUỆ	LÂM	02/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.3	18.4		NV1
18	LÊ HOÀNG TRÀ	MY	20/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.3	18.2		NV1
19	TRẦN MINH	TRÍ	19/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.2	18.6		NV1
20	PHẠM GIA	HÂN	11/06/2011	Nghệ An	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.2	18.4		NV1
21	TRẦN THỊ	BÌNH	10/05/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.2	18.1		NV1
22	VŨ GIA	NHI	28/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.2	18.1		NV1
23	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	29/08/2011	Nghệ An	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.2	18.0		NV1
24	TỔNG KHẢ	NHƯ	04/11/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.2	17.2		NV1
25	LÊ NGUYỄN HOÀNG	THÁI	14/03/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.1	18.7		NV1
26	NGUYỄN DƯƠNG YẾN	TRANG	25/08/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.1	18.5		NV1
27	TRẦN THỊ TRÚC	LY	24/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.1	18.3		NV1
28	NGÔ LƯU THU	THỦY	26/04/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.1	18.0		NV1
29	PHẠM PHƯƠNG	ANH	22/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.0	17.6		NV1
30	ĐỖ THỊ THU	HÀ	24/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.0	17.6		NV1
31	LÊ NGỌC BẢO	TRÂM	28/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.9	17.8		NV1
32	ĐOÀN CHI	LAN	01/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	2.0	0	38.0	40.0	8.8	17.5		NV1
33	VŨ ĐẶNG QUỲNH	NHƯ	20/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.8	17.4		NV1
34	NGUYỄN HOÀI	ANH	19/03/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.7	17.6		NV1
35	PHẠM KHÁNH	NHƯ	20/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.7	17.4		NV1
36	LÊ HÀ PHƯƠNG	LINH	17/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.7	16.8		NV1
37	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	25/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.6	17.1		NV1
38	TRẦN NGỌC	HÂN	30/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.5	17.6		NV1
39	NGUYỄN QUANG	DŨNG	13/07/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.4	16.7		NV1
40	TRẦN NGUYỄN YẾN	NHI	10/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.4	16.5		NV1
41	LÊ THỊ XUÂN	DIỆU	31/01/2011	Gia Lai	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.4	16.4		NV1
42	TRẦN HÀ	THƯƠNG	22/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.4	16.3		NV1
43	TRẦN THỊ KIM	DUNG	22/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	39.0	40.0	8.4	16.0		NV1
44	PHẠM THỊ MỸ	CHÂU	07/10/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.3	16.7		NV1
45	NGUYỄN THỊ THÚY	LOAN	22/07/2011	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	1.0	0	39.0	40.0	8.3	15.8		NV1
46	NGUYỄN VŨ GIA	HÂN	05/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.2	16.1		NV1
47	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	24/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tây	1.0	0	39.0	40.0	8.1	16.8		NV1
48	LÊ BẢO	NGỌC	25/11/2011	TP. Hà Nội	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	9.1	18.3		NV1

49	TRẦN HOÀNG MINH	HÀNG	12/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	9.0	18.2		NV1
50	NGUYỄN PHI	LONG	22/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.9	17.4		NV1
51	TRẦN XUÂN	HIẾU	27/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.8	17.8		NV1
52	TRẦN NGỌC HUY	HOÀNG	20/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.8	17.5		NV1
53	ĐOÀN THỊ MAI	UYÊN	23/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.8	17.3		NV1
54	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	29/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.7	17.6		NV1
55	PHẠM THỊ THANH	BÌNH	07/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.7	17.1		NV1
56	TRẦN THỊ KIỀU	VY	30/03/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.7	16.7		NV1
57	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	26/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.7	16.6		NV1
58	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	22/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.7	16.1		NV1
59	ĐẶNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	09/10/2011	Nghệ An	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.6	16.9		NV1
60	ĐẶNG VIỆT	TIẾN	18/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.6	16.4		NV1
61	NGUYỄN THẾ	ANH	01/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	38.0	39.0	8.5	16.2		NV1
62	NGUYỄN ĐỨC	ANH	05/04/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.4	16.6		NV1
63	TRẦN THỊ THANH	MAI	19/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.4	15.7		NV1
64	TRIỆU THỊ ANH	THU	23/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	38.0	39.0	8.3	17.4		NV1
65	PHẠM THỊ LINH	CHÂU	07/10/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.3	16.6		NV1
66	LÊ SỸ	AN	21/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.3	15.8		NV1
67	NGUYỄN BÁ BẢO	TOÀN	06/05/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.1	15.5		NV1
68	LƯU BẢO	THY	01/11/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	38.0	39.0	8.1	15.3		NV1
69	LƯU NGỌC	BẢO	30/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	38.0	39.0	8.0	15.5		NV1
70	NGUYỄN NHẬT NHÃ	LAN	30/10/2011	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	7.7	15.2		NV1
71	PHẠM THỊ NGỌC	BÍCH	25/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	9.1	17.9		NV1
72	PHẠM THỊ THÚY	NGA	13/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.9	18.1		NV1
73	PHẠM QUỲNH	ANH	17/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.8	17.6		NV1
74	LÊ NGUYỄN BÌNH	MINH	04/11/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.8	17.6		NV1
75	VÕ TUẤN	KIỆT	04/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.8	17.3		NV1
76	NGUYỄN THỊ BÍCH	LỰA	09/10/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.7	17.3		NV1
77	PHẠM NGỌC	MAI	02/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.7	17.2		NV1
78	HOÀNG THỊ NHƯ	QUỲNH	29/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.7	17.1		NV1
79	NGUYỄN PHẠM ANH	THU	22/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	kinh	0	0	38.0	38.0	8.7	16.7		NV1
80	MAI HOÀNG	ANH	05/02/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.6	17.5		NV1

81	ĐẶNG PHƯƠNG	TRÂM	18/11/2011	Gia Lai	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.6	17.2		NV1
82	VŨ SINH	TRƯỜNG	07/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.6	17.1		NV1
83	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	05/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.6	16.6		NV1
84	NGUYỄN TRẦN YẾN	NHI	25/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.6	16.5		NV1
85	TRẦN LÊ PHƯƠNG	TRANG	15/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.5	17.2		NV1
86	NGUYỄN MINH	NHẬT	16/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.5	16.4		NV1
87	ĐỖ THỊ THU	NGÀ	24/07/2011	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.5	16.0		NV1
88	TRẦN ANH	QUANG	05/11/2011	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.4	16.9		NV1
89	ĐOÀN TÔ NGỌC	THANH	08/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	kinh	0	0	38.0	38.0	8.4	16.7		NV1
90	NGUYỄN THÙY	LINH	08/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.4	16.6		NV1
91	NGUYỄN VÕ HẢI	ĐĂNG	30/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.4	16.4		NV1
92	LÊ THÁI HOÀNG	VIỆT	26/07/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.4	16.1		NV1
93	ĐINH HOÀNG BẢO	YẾN	21/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	37.0	38.0	8.4	15.8		NV1
94	TRẦN NGỌC YẾN	NHI	03/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.4	15.6		NV1
95	ĐẶNG PHƯỚC	THỊNH	27/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	37.0	38.0	8.3	17.0		NV1
96	VŨ NGỌC HƯƠNG	LAN	18/07/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.3	16.9		NV1
97	HỒ HOÀNG	ĐẠI	04/08/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	1.0	0	37.0	38.0	8.3	16.0		NV1
98	HÀ THỊ ANH	THU'	02/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tây	1.0	0	37.0	38.0	8.3	15.9		NV1
99	NGUYỄN ĐỨC	SANG	20/04/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.3	15.6		NV1
100	NGUYỄN THÙY	DUNG	05/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.3	15.5		NV1
101	TRỊNH THỊ HƯƠNG	GIANG	09/06/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.3	15.4		NV1
102	DƯƠNG THỊ ÁNH	NGỌC	30/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.2	16.1		NV1
103	LÊ THỊ KHÁNH	VY	26/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	37.0	38.0	8.2	15.9		NV1
104	NGUYỄN TRẦN THẢO	LY	03/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.2	15.8		NV1
105	HÀM ĐÌNH	ĐỒNG	14/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	37.0	38.0	8.1	16.8		NV1
106	NGUYỄN MINH	HUẤN	18/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	37.0	38.0	8.1	16.3		NV1
107	TRƯỜNG NGUYỄN THIÊN	TÂN	30/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	37.0	38.0	8.1	16.2		NV1
108	HOÀNG THỊ THANH	NHÀN	14/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tây	1.0	0	37.0	38.0	7.9	16.0		NV1
109	VŨ THỊ KHÁNH	THƯƠNG	28/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	7.8	15.3		NV1
110	VŨ THỊ TRÀ	GIANG	25/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.8	17.2		NV1
111	PHẠM THỊ KIM	OANH	14/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	kinh	0	0	37.0	37.0	8.7	17.3		NV1

112	PHẠM THỊ THU	HUYỀN	28/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.7	16.7		NV1
113	PHAN THỊ KHÁNH	NHI	01/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	kinh	0	0	37.0	37.0	8.7	16.7		NV1
114	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	05/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.6	17.3		NV1
115	TRẦN THỊ KIM	ANH	18/09/2011	Nghệ An	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.6	17.0		NV1
116	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	05/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.6	16.9		NV1
117	PHẠM YẾN	NHI	21/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.6	16.6		NV1
118	NGÔ HOÀNG	THÔNG	11/05/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.6	16.2		NV1
119	LẠI NGUYỄN THIÊN	HƯƠNG	05/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.5	16.7		NV1
120	PHẠM HẢI	YẾN	01/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.5	16.2		NV1
121	PHAN THỊ TUYẾT	MAI	03/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.5	15.5		NV1
122	NGUYỄN TRẦN NGÂN	HÀ	19/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.4	16.3		NV1
123	LÊ HUY	PHÁT	02/06/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.4	16.2		NV1
124	TRẦN PHƯƠNG	LINH	18/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.4	16.1		NV1
125	NGUYỄN THANH THIÊN	BẢO	04/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.4	15.9		NV1
126	PHẠM THANH	THÁI	18/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.4	15.8		NV1
127	NGUYỄN THỊ ANH	THU	20/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.4	15.6		NV1
128	NGUYỄN	ĐĂNG	02/07/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.3	17.6		NV1
129	ĐOÀN YẾN	NHI	21/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.3	16.0		NV1
130	TRẦN THỊ	VY	23/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.2	15.9		NV1
131	HOÀNG ĐỨC	THẮNG	05/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.2	15.8		NV1
132	NGUYỄN HIỀN	LINH	23/09/2011	Nghệ An	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.2	15.7		NV1
133	BÙI ĐỨC	ANH	18/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.2	15.6		NV1
134	NGUYỄN PHẠM HOÀNG	HẢI	10/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.2	15.6		NV1
135	DƯƠNG ĐỨC	TRÍ	17/09/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.2	15.1		NV1
136	VŨ THỊ NGỌC	TRÚC	20/08/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.1	14.8		NV1
137	ĐINH VĂN NGUYỄN	VŨ	01/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.1	14.7		NV1
138	ĐỖ THỊ THANH	NGÂN	17/11/2011	Gia Lai	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.1	14.1		NV1
139	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	24/10/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.0	16.0		NV1
140	HOÀNG VŨ	PHONG	08/02/2011	Ninh Bình	Nam	Kinh	0	0	37.0	37.0	8.0	15.8		NV1
141	NGUYỄN NHẬT	TIẾN	15/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	36.0	37.0	7.9	16.0		NV1
142	HOÀNG LÊ HUYỀN	TRÂM	04/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	7.9	15.9		NV1
143	VŨ MINH	ÁNH	19/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	36.0	37.0	7.9	15.5		NV1

144	ĐỖ NGỌC THIÊN	DI	01/01/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	7.7	15.6		NV1
145	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	17/09/2011	TP. Hà Nội	Nữ	Tày	1.0	0	36.0	37.0	7.7	15.6		NV1
146	TRƯỜNG THỊ	TÂM	05/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mường	1.0	0	36.0	37.0	7.7	14.3		NV1
147	NGUYỄN THỊ HÀ	LINH	30/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	36.0	37.0	7.6	14.9		NV1
148	PHẠM THUỶ TRÂM	ANH	22/02/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	37.0	37.0	7.5	14.3		NV1
149	NGUYỄN LÊ TÀI	PHÁT	24/01/2011	Gia Lai	Nam	Kinh	1.0	0	36.0	37.0	7.5	14.0		NV1
150	ĐẶNG THỊ BẢO	TRÂN	06/11/2011	Quảng Ngãi	Nữ	Dao	1.0	0	36.0	37.0	7.3	14.5		NV1
151	BÀN THỊ HOÀNG	NGỌC	09/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Dao	1.0	0	36.0	37.0	7.2	14.5		NV1
152	NGUYỄN TRỌNG	HÙNG	21/11/2011	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	1.0	0	36.0	37.0	7.1	15.0		NV1
153	HOÀNG THỊ	NGÂN	24/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	36.0	37.0	7.0	12.3		NV1
154	NGUYỄN ANH	THU	16/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	9.0	17.6		NV1
155	TRẦN THỤY	AN	09/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.3	17.1		NV1
156	NGUYỄN HUY	HOÀNG	17/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.3	15.0		NV1
157	NGUYỄN VŨ BẢO	HÂN	01/12/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.2	15.8		NV1
158	NGUYỄN LINH	XUÂN	23/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.2	15.4		NV1
159	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	25/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.2	15.4		NV1
160	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRÂM	19/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.2	15.3		NV1
161	NGUYỄN PHẠM KHÁNH	THY	20/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.2	15.2		NV1
162	LÊ THỊ	THẢO	05/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.1	15.9		NV1
163	TRẦN VŨ GIA	LONG	01/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.1	15.6		NV1
164	TẠ HOÀNG	ĐIỆP	24/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.1	15.5		NV1
165	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	15/05/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.0	16.6		NV1
166	TRẦN VĂN QUỐC	BẰNG	10/11/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.0	15.8		NV1
167	NGUYỄN THỊ UYÊN	LINH	05/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.0	15.6		NV1
168	TRẦN ANH	ĐỨC	27/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.0	15.5		NV1
169	NGUYỄN HỮU	THẮNG	30/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.0	15.4		NV1
170	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	16/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.0	15.1		NV1
171	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	30/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.0	14.6		NV1
172	NGUYỄN THỊ LINH	ĐAN	06/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	8.0	14.5		NV1
173	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	03/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.9	16.2		NV1
174	PHAN THỊ KHÁNH	HUYỀN	07/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.9	15.6		NV1
175	PHẠM NGUYỄN	PHÚC	27/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.9	15.2		NV1

176	CÙ HUY	HOÀNG	19/11/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.9	15.2		NV1
177	NGÔ THANH	HẰNG	19/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.9	14.9		NV1
178	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	29/03/2011	TP. Hà Nội	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.9	14.9		NV1
179	NGUYỄN VŨ HÀ	CHI	12/02/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.8	15.8		NV1
180	NGUYỄN YẾN	NHI	15/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.8	15.2		NV1
181	ĐOÀN TIẾN	ĐẠT	21/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.8	14.9		NV1
182	PHẠM THỊ HƯƠNG	MAI	01/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.8	14.9		NV1
183	NGUYỄN THỊ KIỀU	ANH	03/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.8	14.2		NV1
184	HUỖNH QUANG	SANG	28/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.8	13.4		NV1
185	HOÀNG THỊ TRIỆU	VY	03/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.7	15.6		NV1
186	PHẠM CÔNG	TÚ	06/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.7	15.1		NV1
187	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	25/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.6	14.8		NV1
188	DƯƠNG VŨ KHÁNH	VY	17/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.6	14.3		NV1
189	VŨ THỊ YẾN	VY	03/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.6	13.5		NV1
190	VŨ HOÀNG	THÔNG	12/07/2011	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.6	12.6		NV1
191	HOÀNG NGUYỄN HUY	KHANG	11/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.5	14.4		NV1
192	NGUYỄN GIA	BẢO	12/04/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.5	14.1		NV1
193	NGUYỄN TRẦN HỒNG	PHƯƠNG	03/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.5	14.0		NV1
194	NGUYỄN THỊ	HẰNG	29/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.5	13.9		NV1
195	LÊ THỊ MAI	PHƯƠNG	17/09/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.5	13.5		NV1
196	VŨ ĐỨC	TUẤN	03/11/2011	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.4	15.1		NV1
197	PHÙNG THỊ THẢO	VÂN	13/07/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.4	14.4		NV1
198	TẠ HOÀNG GIAI	HUỆ	01/04/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.4	13.7		NV1
199	TRẦN MINH	THIỆN	14/02/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.3	13.4		NV1
200	TRẦN TRUNG	HIẾU	01/06/2011	Ninh Bình	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.2	15.2		NV1
201	ĐINH HỮU BÁCH	TÙNG	15/09/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.2	13.0		NV1
202	NGUYỄN YẾN	NHI	20/04/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.2	12.9		NV1
203	TRẦN NHƯ	Ý	24/06/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	6.9	12.9		NV1
204	NGUYỄN BÙI MAI NHƯ	NGỌC	25/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	6.9	12.5		NV1
205	LÊ THỊ QUỲNH	NHƯ	09/05/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	6.7	12.1		NV1
206	ĐOÀN VĂN	KHANH	25/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	35.0	35.0	8.5	17.6		NV1
207	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	16/05/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	35.0	35.0	8.5	16.5		NV1

208	LÊ	MINH	27/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	35.0	35.0	8.4	15.7		NV1
209	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	LONG	22/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	35.0	35.0	8.3	15.5		NV1
210	PHẠM VŨ THÙY	LINH	02/09/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	35.0	35.0	8.2	15.6		NV1
211	TRẦN THỊ MỸ	PHƯƠNG	01/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	35.0	35.0	8.2	15.5		NV1
212	TRỊNH ANH	QUÂN	24/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	35.0	35.0	8.2	14.9		NV1
213	NGUYỄN HẠ	VY	04/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	35.0	35.0	8.1	16.0		NV1
214	LÒ THỊ HUYỀN	TRANG	29/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	1.0	0	34.0	35.0	8.1	15.9		NV1
215	NGUYỄN VI BẢO	CHÂU	01/11/2011	Nghệ An	Nữ	Kinh	1.0	0	34.0	35.0	8.1	15.1		NV1
216	LÊ THỊ BÍCH	NGỌC	11/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	34.0	35.0	8.0	15.7		NV1
217	DŨNG THỊ QUỲNH	NHƯ	08/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	0	34.0	35.0	8.0	15.5		NV1
218	VÕ THỊ DIỆP	PHƯƠNG	15/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thổ	1.0	0	34.0	35.0	7.7	14.7		NV1
219	HÀ HÒ DIỆP	ANH	15/01/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	1.0	0	34.0	35.0	7.6	15.4		NV1
220	NGUYỄN THỊ	NHUNG	21/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	34.0	35.0	7.6	14.4		NV1
221	NGUYỄN THỊ	VY	18/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	34.0	35.0	7.2	13.8		NV1
222	NGUYỄN HUY	HÙNG	25/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	8.2	15.4		NV1
223	NGUYỄN PHẠM NGỌC	DIỆP	05/02/2011	TP. Cần Thơ	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	8.2	15.0		NV1
224	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	23/11/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.9	15.4		NV1
225	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	05/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.9	14.7		NV1
226	ĐINH KIM	ANH	30/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.9	14.4		NV1
227	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	TRÀ	26/05/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.8	15.1		NV1
228	TRẦN THỊ YẾN	CHI	13/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	kinh	0	0	34.0	34.0	7.8	14.7		NV1
229	NGUYỄN QUANG	NHẬT	11/09/2011	Nghệ An	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.8	14.5		NV1
230	BÙI THỊ THU	THẢO	10/03/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.7	14.1		NV1
231	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	20/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.7	13.9		NV1
232	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	28/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.7	13.8		NV1
233	TRẦN THANH	THẢO	22/08/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.7	13.6		NV1
234	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	03/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.6	14.9		NV1
235	LÊ VĂN BẢO	NAM	11/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.6	13.9		NV1
236	BÙI THẢO	GIANG	07/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.6	13.9		NV1
237	TRẦN VĂN	PHONG	02/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.6	13.6		NV1
238	NGUYỄN VĂN	ĐỊNH	30/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.5	14.1		NV1
239	PHẠM THỊ THÙY	LINH	09/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.5	13.1		NV1

240	VÕ NGỌC	HÂN	18/04/2011	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.4	13.2		NV1
241	VŨ THỊ PHƯƠNG	LINH	26/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.3	13.7		NV1
242	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	30/01/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.3	13.2		NV1
243	PHẠM VĂN	THÔNG	22/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.2	13.9		NV1
244	NGUYỄN DUY	ĐẠT	13/12/2011	Lâm Đồng	Nam	kinh	0	0	34.0	34.0	7.1	12.9		NV1
245	NGUYỄN GIA	BẢO	26/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.1	12.6		NV1
246	PHẠM HOÀNG	LONG	30/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	6.9	12.5		NV1
247	TRỊNH ĐÌNH	BẢO	20/12/2011	TP. Hải Phòng	Nam	Kinh	0	0	34.0	34.0	6.6	11.4		NV1
248	TRẦN VĂN	THIỆN	25/07/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	33.0	33.0	8.4	17.6		NV1
249	TRẦN THÁI	TÚ	16/11/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	33.0	33.0	8.4	16.4		NV1
250	TRẦN THỊ HUYỀN	DIỆU	02/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	33.0	33.0	8.3	17.1		NV1
251	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	20/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	33.0	33.0	8.2	16.5		NV1
252	NGUYỄN THIỆN	BẢO	20/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	33.0	33.0	8.2	15.4		NV1
253	VŨ NGỌC BẢO	NGÂN	10/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	33.0	33.0	8.1	15.1		NV1
254	TRẦN THỊ MINH	HÀNG	10/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.6	14.8		NV1
255	NGUYỄN TUẤN	ANH	15/07/2011	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.5	14.4		NV1
256	ĐẶNG VŨ KIỀU	OANH	12/07/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	33.0	33.0	7.5	13.3		NV1
257	NGÂN THỊ QUỲNH	ANH	09/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	1.0	0	32.0	33.0	7.5	13.2		NV1
258	ĐẶNG THỊ CHÂU	AN	21/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mán	1.0	0	32.0	33.0	7.4	14.6		NV1
259	NGUYỄN KIỀU	OANH	21/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.4	14.2		NV1
260	MỸ THỊ DIỆU	LINH	09/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.3	14.9		NV1
261	Y THỊ HOÀI	PHONG	27/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	1.0	0	32.0	33.0	7.3	13.9		NV1
262	TRỊNH THỊ THANH	TRÚC	14/06/2011	Gia Lai	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.3	13.9		NV1
263	NGUYỄN ĐỨC	HẬU	30/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.2	14.9		NV1
264	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	15/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.2	14.1		NV1
265	TRƯƠNG THỊ TRÚC	PHƯƠNG	23/10/2011	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.1	15.2		NV1
266	LÊ THỊ THỦY	TIỀN	12/10/2011	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.1	14.4		NV1
267	TRẦN THỊ	HÀNG	18/01/2011	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.1	14.1		NV1
268	NGÔ PHẠM MINH	HÙNG	09/11/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	33.0	33.0	7.1	13.7		NV1
269	NGUYỄN ÁNH	TUYẾT	26/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	33.0	33.0	7.1	13.0		NV1
270	NGUYỄN VÕ TUYẾT	NHI	01/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.0	14.5		NV1
271	LƯU HẢI	VÂN	19/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.0	12.2		NV1

272	NGUYỄN TRẦN TRUNG	HIẾU	17/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	6.9	14.2		NV1
273	LÝ THỊ HUYỀN	DIU	12/09/2011	Đắk Lắk	Nữ	Dao	1.0	0	32.0	33.0	6.9	13.3		NV1
274	VÕ THỊ MỸ	TIÊN	26/09/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	6.9	13.3		NV1
275	ĐINH THUỖ	LINH	23/10/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	33.0	33.0	6.9	12.4		NV1
276	TRIỆU THỊ KHÁNH	LINH	13/02/2011	Lạng Sơn	Nữ	Dao	1.0	0	32.0	33.0	6.8	14.2		NV1
277	ĐẶNG LÊ	THANH	22/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	8.2	14.8		NV1
278	NGUYỄN THỊ THU	TIÊN	13/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	8.1	15.4		NV1
279	ĐỖ NGỌC THẢO	LY	29/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	8.1	15.3		NV1
280	NGUYỄN GIA	BÍCH	15/12/2011	Nghệ An	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	8.0	14.9		NV1
281	DƯƠNG THỊ NGỌC	MỸ	16/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.9	14.7		NV1
282	NGUYỄN THỊ HÀ	VY	27/06/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.9	14.0		NV1
283	VŨ HƯƠNG NGỌC	NHI	05/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.8	16.2		NV1
284	LÊ THỊ HIỀN	THU'	04/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.8	14.9		NV1
285	NGUYỄN NGỌC THIÊN	ĐỨC	15/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.8	14.0		NV1
286	PHẠM THỦY	LINH	29/11/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.7	14.6		NV1
287	TRẦN ĐỨC	CUÔNG	15/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.7	14.4		NV1
288	NGUYỄN THANH	THÚY	31/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.7	14.1		NV1
289	HOÀNG THỊ DIỆU	LINH	16/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.7	14.1		NV1
290	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	23/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	kinh	0	0	32.0	32.0	7.6	15.6		NV1
291	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	22/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.6	14.4		NV1
292	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	KHANG	08/01/2011	TP. Hà Nội	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.5	14.2		NV1
293	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	25/11/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.5	13.8		NV1
294	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	31/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.5	13.8		NV1
295	NGUYỄN KIM	NGÂN	18/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.5	13.7		NV1
296	NGUYỄN VĂN HOÀNG	QUÂN	21/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.5	13.4		NV1
297	KIM THỊ KHÁNH	HUYỀN	04/09/2011	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.5	13.4		NV1
298	HOÀNG THỊ THỦY	LINH	16/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.4	13.5		NV1
299	NGUYỄN GIA	LONG	07/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.4	13.4		NV1
300	HOÀNG TRUNG	TÍN	27/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.3	13.4		NV1
301	VŨ THỊ ANH	THU'	21/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.2	14.5		NV1
302	TRẦN THỊ THANH	THẢO	02/08/2011	Lào Cai	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.2	13.1		NV1
303	TRẦN CHÍ	VỸ	15/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.1	13.8		NV1

304	PHẠM TRẦN KHÁNH	VÂN	25/10/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.1	12.7		NV1
305	ĐỖ ĐỨC	DUY	14/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.1	12.3		NV1
306	ĐOÀN THỊ HOÀI	THƠM	17/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.0	13.0		NV1
307	PHẠM THỊ HOÀI	THƯƠNG	19/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.0	12.5		NV1
308	NGUYỄN THANH	MINH	30/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.0	12.4		NV1
309	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	03/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.0	12.0		NV1
310	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	21/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.0	11.4		NV1
311	CAO ĐỨC	SANG	21/01/2011	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	6.9	13.3		NV1
312	PHẠM BẢO	NAM	21/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	32.0	32.0	6.9	13.1		NV1
313	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	01/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	31.0	32.0	6.7	12.8		NV1
314	PHẠM ANH	KHANG	08/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	31.0	31.0	8.2	15.5		NV1
315	PHAN THỊ PHƯƠNG	LINH	29/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	31.0	31.0	8.0	15.6		NV1
316	NGUYỄN CHÍ	TÀI	01/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	31.0	31.0	8.0	15.2		NV1
317	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	20/04/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	31.0	31.0	7.7	14.1		NV1
318	HỒ THỊ	LINH	28/07/2011	Nghệ An	Nữ	kinh	0	0	31.0	31.0	7.6	14.5		NV1
319	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG	17/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	7.5	15.3		NV1
320	PHẠM THU	THƯƠNG	07/04/2011	TP. Hà Nội	Nữ	Kinh	0	0	31.0	31.0	7.5	13.8		NV1
321	VÕ TRUNG	NGUYỄN	15/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Thổ	1.0	0	30.0	31.0	7.5	13.2		NV1
322	LÃ BẢO	TRÂM	02/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	7.4	14.8		NV1
323	NGUYỄN THỊ TUỜNG	VY	18/01/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	31.0	31.0	7.4	14.6		NV1
324	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	01/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	31.0	31.0	7.4	14.1		NV1
325	ĐẶNG THỊ	THƯƠNG	23/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Sán Chi	1.0	0	30.0	31.0	7.3	13.9		NV1
326	NGUYỄN THỊ HOÀI	ĐAN	22/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	7.2	15.6		NV1
327	HÀ NGUYỄN NHẬT	QUỲNH	28/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	31.0	31.0	7.2	11.6		NV1
328	HOÀNG NGUYỄN TÂM	NHƯ	10/01/2011	Nghệ An	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	7.1	14.8		NV1
329	DƯƠNG THỊ LAN	ANH	31/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	7.1	13.2		NV1
330	TRẦN THỊ HẢI	HÀ	01/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	7.0	14.1		NV1
331	HỒ VĂN	TRƯỜNG	05/05/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	7.0	13.8		NV1
332	THỊ	MỊN	03/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	1.0	0	30.0	31.0	6.9	14.1		NV1
333	NGUYỄN THỊ	YẾN	22/06/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.9	13.7		NV1
334	NGUYỄN HỮU	ĐẠT	28/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.9	13.6		NV1
335	PHẠM THỊ YẾN	NHI	25/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.8	14.3		NV1

336	NGUYỄN VĂN	TRIỀU	13/04/2011	Đắk Lắk	Nam	Ê-đê	1.0	0	30.0	31.0	6.8	14.1		NV1
337	HOÀNG NGUYỄN ÁNH	TUYẾT	10/01/2011	Nghệ An	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.8	14.0		NV1
338	LÊ NHẬT	LONG	20/08/2011	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.8	13.2		NV1
339	TRẦN MAI THANH	TÚ	07/12/2011	Hưng Yên	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.8	12.0		NV1
340	H - MINH	CHUYÊN	26/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	1.0	0	30.0	31.0	6.7	13.8		NV1
341	NGUYỄN HÙNG	PHONG	17/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.7	11.1		NV1
342	TRƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	12/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.6	12.7		NV1
343	MA NGUYỄN CẨM	TÚ	29/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.5	13.5		NV1
344	NÔNG TIẾN	ĐẠT	14/03/2011	Đắk Lắk	Nam	Tày	1.0	0	30.0	31.0	6.5	12.6		NV1
345	TRẦN QUỐC	HUY	06/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.5	12.2		NV1
346	LƯƠNG THÀNH	DANH	20/04/2011	Ninh Bình	Nam	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	6.5	11.9		NV1
347	HOÀNG THỊ NGỌC	DIỄM	15/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	0	30.0	31.0	6.4	12.2		NV1
348	ĐINH THỊ NGỌC	BÍCH	21/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	31.0	31.0	5.8	10.4		NV1
349	TRẦN ĐÌNH	TIẾN	15/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	8.1	16.0		NV1
350	NGUYỄN ĐỖ ĐÔNG	NHI	02/11/2011	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	8.1	15.2		NV1
351	PHAN THỊ MINH	ÁNH	07/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	8.0	15.0		NV1
352	NGUYỄN THỊ THẢO	MY	22/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	kinh	0	0	30.0	30.0	7.9	14.5		NV1
353	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	21/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.5	14.8		NV1
354	ĐOÀN VŨ	LƯƠNG	15/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.5	14.2		NV1
355	BÙI THỊ KIM	CHI	29/09/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.5	13.5		NV1
356	HÀ PHƯƠNG	ANH	08/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.4	14.0		NV1
357	MAI THỊ THANH	TRÚC	27/01/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.4	14.0		NV1
358	NGUYỄN PHI	LONG	23/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.4	13.8		NV1
359	LÊ THỊ THẢO	NHI	28/02/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.4	13.4		NV1
360	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	09/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.4	13.3		NV1
361	PHAN THƯỢNG ĐỨC	TÀI	31/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.4	13.1		NV1
362	TRẦN THỊ THU	HOÀI	13/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.4	12.8		NV1
363	PHẠM THỊ HÀ	VY	16/04/2011	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.3	14.9		NV1
364	ĐỖ NGUYỄN HẢI	VIỆT	21/10/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.3	13.9		NV1
365	PHẠM VĂN	QUYẾT	24/11/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.3	13.7		NV1
366	PHẠM THỦY	TIỀN	12/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.3	13.0		NV1
367	NGUYỄN VĂN	HÙNG	27/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.3	12.8		NV1

368	NGUYỄN THI PHƯƠNG	ANH	18/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.3	12.4		NV1
369	TRẦN QUANG	MINH	20/10/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.2	14.7		NV1
370	PHAN HOÀI KHÁNH	BĂNG	27/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	29.0	30.0	7.2	14.4		NV1
371	NGUYỄN PHÚ	TRỌNG	19/08/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.2	14.1		NV1
372	ĐÀO GIA	TẤN	02/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.2	12.9		NV1
373	LÊ NGUYỄN NGỌC	DIỆP	04/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.2	12.9		NV1
374	PHẠM VĂN	AN	21/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.2	12.5		NV1
375	TRẦN ANH	QUỐC	09/02/2011	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.2	12.3		NV1
376	TRẦN QUANG	VINH	28/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.1	13.4		NV1
377	LẠI ĐỖ	PHÚC	27/09/2011	Ninh Bình	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.1	12.8		NV1
378	ĐỖ NGỌC	NHI	13/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.1	12.6		NV1
379	ĐINH LÊ PHONG	HẢI	15/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Hrê	1.0	0	29.0	30.0	7.1	12.5		NV1
380	LÊ TRẦN TẤN	PHÁT	11/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.1	12.5		NV1
381	TRẦN NGUYỄN MINH	TÚ	16/08/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.0	14.7		NV1
382	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	25/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.0	12.7		NV1
383	HUỲNH CAO	HẠNH	10/01/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.0	12.5		NV1
384	PHẠM VĂN	TRƯỜNG	19/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.9	13.8		NV1
385	NGUYỄN BÁ	HOÀNG	08/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.9	13.5		NV1
386	LÊ CÔNG	VINH	14/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.9	13.3		NV1
387	NGUYỄN GIA	BẢO	22/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.9	13.0		NV1
388	VŨ VIỆT	HÙNG	10/03/2011	Ninh Bình	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.9	12.9		NV1
389	LÊ THỊ KIM	NGÂN	24/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.9	12.8		NV1
390	VŨ ĐỨC	HOÀNG	01/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.9	12.7		NV1
391	LÝ CHẤN	THIÊN	22/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.9	12.3		NV1
392	TRẦN TRINH MINH	SƠN	22/01/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.8	12.7		NV1
393	ĐỖ THÀNH	ĐẠT	06/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.8	12.2		NV1
394	PHAN KHÁNH	UYÊN	07/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.8	12.0		NV1
395	PHẠM ANH	ĐÀO	27/07/2011	Cà Mau	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.8	11.8		NV1
396	NGUYỄN ĐỨC	DƯƠNG	19/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.7	12.6		NV1
397	VŨ ANH	XUÂN	26/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.7	12.1		NV1
398	NGUYỄN XUÂN	PHONG	27/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.7	11.5		NV1
399	DƯƠNG BẢO	NGỌC	19/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.6	12.3		NV1

400	ĐOÀN TRUNG	HIẾU	29/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.6	11.5		NV1
401	BÙI LÊ GIA	BẢO	23/09/2011	Gia Lai	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.6	11.4		NV1
402	TRẦN MINH	TIỀN	24/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.3	12.3		NV1
403	LÊ DUY	NHẤT	24/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.3	11.0		NV1
404	TRƯƠNG VŨ KHẮC	MINH	13/06/2011	TP. Đồng Nai	Nam	kinh	0	0	30.0	30.0	6.1	12.2		NV1
405	ĐINH QUỲNH	ANH	10/04/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	29.0	29.0	7.4	14.7		NV1
406	NGUYỄN SƠN	NAM	17/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	29.0	29.0	7.4	13.9		NV1
407	VŨ NGỌC HẢI	YẾN	01/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	29.0	29.0	7.4	13.8		NV1
408	VŨ ANH	TRÚC	23/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	29.0	29.0	7.4	13.8		NV1
409	NGUYỄN TỐ	TÂM	20/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	29.0	29.0	7.3	13.6		NV1
410	PHẠM	HOÀN	02/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	29.0	29.0	7.3	13.1		NV1
411	PHẠM PHƯƠNG	NHI	27/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	29.0	29.0	7.1	13.2		NV1
412	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	07/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	29.0	29.0	7.0	13.0		NV1
413	PHẠM MINH	TRƯỜNG	06/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	7.0	12.3		NV1
414	HÀ THỊ NGỌC	ÁNH	06/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	29.0	29.0	7.0	12.3		NV1
415	HỒ HOÀNG	HIỆP	15/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	7.0	12.1		NV1
416	PHẠM THỊ HỒNG	VÂN	11/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mường	1.0	0	28.0	29.0	6.9	13.1		NV1
417	NGUYỄN ANH	TÚ	16/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.9	12.8		NV1
418	PHẠM QUỐC	HUY	25/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	29.0	29.0	6.9	12.8		NV1
419	NGUYỄN HOÀI	AN	25/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.8	14.1		NV1
420	NGUYỄN DUY	BẢO	23/05/2011	Nghệ An	Nam	Kinh	0	0	29.0	29.0	6.8	12.0		NV1
421	MÃ QUỐC	ĐẠT	06/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.7	14.0		NV1
422	H -	SNI	24/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.7	12.9		NV1
423	PHAN BẢO	NGỌC	15/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.6	14.0		NV1
424	H -	SÂM	20/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.6	13.4		NV1
425	Y -	ĐẠT	26/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.6	13.2		NV1
426	ĐẶNG NGỌC	NHI	23/10/2011	Cao Bằng	Nữ	Dao Đỏ	1.0	0	28.0	29.0	6.6	12.4		NV1
427	TRẦN THANH	PHONG	11/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	29.0	29.0	6.6	11.8		NV1
428	H -	PHEL	18/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.5	13.2		NV1
429	NGUYỄN TIẾN	VINH	13/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.5	12.9		NV1
430	LÊ NHẬT	SANG	26/09/2011	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.5	12.2		NV1
431	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	24/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.5	12.0		NV1

432	TẠ THỊ THÚY	NGÂN	09/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.5	12.0		NV1
433	LỤC THIÊN	PHÚC	28/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Thổ	1.0	0	28.0	29.0	6.5	10.5		NV1
434	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	04/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.4	13.1		NV1
435	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	20/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.4	12.6		NV1
436	NGUYỄN SỸ NHẤT	PHÚC	20/03/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	0	0	29.0	29.0	6.4	12.0		NV1
437	NÔNG ĐỨC	KHIÊM	22/06/2011	Lạng Sơn	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.4	11.9		NV1
438	NÔNG ĐỨC	ANH	06/10/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.4	11.0		NV1
439	PHẠM NGỌC GIA	BẢO	22/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.4	10.6		NV1
440	Y -	XUYỀN	28/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	12.8		NV1
441	NGUYỄN HẢI	TRÂM	21/10/2010	Lạng Sơn	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.3	12.4		NV1
442	Y - JANG	HÙNG	18/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	12.2		NV1
443	ĐIỀU SI -	PHA	15/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	12.0		NV1
444	Y -	THỨ	06/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	11.8		NV1
445	NGUYỄN ĐÌNH	TÀI	28/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.3	11.8		NV1
446	LÊ TRẦN LINH	CHI	06/07/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.3	11.7		NV1
447	H -	LAN	13/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.2	12.8		NV1
448	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	17/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.1	12.1		NV1
449	HOÀNG QUỐC	ANH	25/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.1	11.9		NV1
450	NGUYỄN LÊ HOÀNG	MINH	04/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	28.0	29.0	6.1	11.4		NV1

Danh sách này có 450 học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2026 - 2027.